

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2017/DS-ST
Ngày 22 – 11 - 2017
V/v: tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - là thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Đắc Bắc – kiểm sát viên .

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 793/2017/QĐXXST-DS ngày 18/10/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Tuấn N, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: xã L, Tp C, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm D, Phường B, Tp C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của chị M: Ông Ngô Đình Ch – SN: 1958, địa chỉ: Số X, đường Y, khóm Z, Phường B, Tp C, tỉnh Cà Mau (theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2017). (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn Ch, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm D, Phường B, Tp C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của ông Ch: : Ông Ngô Đình Ch – SN: 1958, địa chỉ: Số X, đường Y, khóm Z, Phường B, Tp C, tỉnh Cà Mau (theo giấy ủy quyền ngày 03/11/2017). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2017 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 26/11/2015 dương lịch, anh cho chị Huỳnh Thị Xuân M vay số tiền 300.000.000đ, thỏa thuận vay không có lãi, thời hạn 10 ngày thì phải trả vốn, khi vay có làm biên nhận nợ do chị M tự viết và ký tên, khi vay không cầm cố, thế

chấp tài sản gì. Chị M là người trực tiếp nhận tiền. Tuy nhiên, sau 10 ngày chị M không trả vốn như thỏa thuận, nên giữa anh và chị M thỏa thuận tiếp là chị M sẽ trả lãi hàng tháng với mức lãi suất là 3%/tháng. Quá trình vay, chị M và anh Ch có đóng lãi cho anh từ ngày 09/12/2015 đến tháng 6/2016 dương lịch, mỗi tháng đóng 9.000.000đ, tổng cộng đóng được 63.000.000đ lãi, việc trả lãi không có làm giấy tờ theo dõi. Chị M ngưng đóng lãi từ tháng 7/2016 cho đến nay, không trả được khoản vốn nào. Anh Trần Văn Ch là chồng của chị M biết việc chị M vay tiền của anh và anh Ch cũng trực tiếp trả lãi cho anh. Nay anh yêu cầu chị M và anh Ch cùng có trách nhiệm trả cho anh 300.000.000đ vốn và tiền lãi được tính theo quy định của pháp luật từ khi vay cho đến ngày 22/11/2017, có đối trừ với số tiền 63.000.000đ lãi đã đóng.

Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị Xuân M và anh Trần Văn Ch là ông Ngô Đình C tại phiên tòa thể hiện:

Vào ngày 26/11/2015 dương lịch, chị Huỳnh Thị Xuân M vay số tiền 300.000.000đ của anh N, thỏa thuận không tính lãi, thời hạn 10 ngày thì trả vốn, khi vay có làm biên nhận, khi vay không có cầm cố, thế chấp tài sản gì. Tuy nhiên, sau 10 ngày chị M không trả vốn như thỏa thuận nên chị M đã trả lãi cho anh N nhiều lần tổng cộng được số tiền 63.000.000đ, không nhớ cụ thể số tiền lãi đóng mỗi lần, không trả được khoản vốn nào. Nay đồng ý trả cho anh N số vốn là 300.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm trả nợ, theo biên nhận là do một mình chị M đứng tên vay, anh Ch không biết, vì vậy Tòa án quyết định về trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Ch trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Anh Trần Văn Ch với chị Huỳnh Thị Xuân M có mối quan hệ là vợ chồng. Anh hoàn toàn không biết việc chị M vay tiền của anh N. Tuy nhiên sau đó vào năm 2016, không nhớ rõ ngày tháng cụ thể, anh có trả cho anh N mỗi tháng trả 9.000.000đ, tổng cộng trả được 07 tháng bằng 63.000.000đ thì ngưng trả cho đến nay, các lần trả tiền không có làm biên nhận. Anh trả số trên theo yêu cầu của anh N nhưng không rõ là trả vào khoản vốn hay khoản lãi. Đến nay, theo anh biết, chị M chưa trả cho N khoản tiền vốn 300.000.000đ. Nay anh đồng ý cùng với chị M có trách nhiệm cùng trả nợ cho anh N, nhưng số nợ là bao nhiêu thì do chị M quyết định, anh đồng ý theo ý kiến quyết định của chị M. Do bận công việc, không có thời gian đến tham gia giải quyết vụ án nên anh yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, và yêu cầu được vắng mặt từ nay cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chị M và anh Ch có mối quan hệ là vợ chồng. Thực tế chị M có vay của anh N số tiền 300.000.000đ vốn, thỏa thuận trong vòng 10 ngày sẽ trả, vay không tính lãi. Sau 10 ngày, chị M không trả được tiền vốn nên các bên đã thỏa thuận tính lãi. Quá trình vay, chị M đã trả lãi được nhiều lần tổng cộng là 63.000.000đ. Cho nên anh N yêu

cầu chị M và anh Ch trả vốn là 300.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật, có trừ đi số tiền lãi 63.000.000đ đã trả là phù hợp.

Vì vậy, căn cứ vào điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu của anh N. Buộc anh Ch và chị M trả cho anh N số tiền vốn là 300.000.000đ và lãi là 16.425.000đ, tổng cộng cả vốn và lãi là 316.425.000đ. Buộc chị M và anh Ch phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Thị Xuân M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần vào các ngày 24/7/2017, 16/8/2017, 01/9/2017, 21/9/2017 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Tại phiên tòa, giữa anh N và đại diện hợp pháp của chị M và anh Ch đều thống nhất với nhau về việc, chị M có vay của anh N số tiền 300.000.000đ, trong vòng 10 ngày sẽ trả. Nhưng do chị M không trả nên đôi bên đã thỏa thuận cho chị M đóng lãi hàng tháng, còn vốn khi nào có thì trả. Chị M đã trả được tổng cộng 63.000.000đ tiền lãi, chưa trả được khoản vốn nào.

Xét thấy, lời khai của các đương sự là tự nguyện, thống nhất với nhau và phù hợp với biên nhận nợ đề ngày 25/11/2015 do chị M viết và ký tên, vì vậy anh N khởi kiện yêu cầu trả số tiền vốn là 300.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi, xét thấy, theo quy định tại điều 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm, mức lãi suất các bên được phép giao dịch là 13,5%/năm. Như vậy, tiền lãi được chấp nhận tính từ ngày 05/12/2015 cho đến ngày 22/11/2017 là 01 năm 11 tháng 16 ngày, sau khi trừ lãi đã trả, là: $\{300.000.000đ \times 13,5\%/năm \times 01 \text{ năm } 11 \text{ tháng } 16 \text{ ngày}\} - 63.000.000đ = 16.425.000đ$.

Tổng cộng các khoản vốn và lãi phải trả là: $300.000.000đ + 16.425.000đ = 316.425.000đ$.

[4] Về trách nhiệm trả nợ, xét thấy, đây là khoản nợ phát sinh trong thời gian anh Ch và chị M chung sống với nhau nên được xác định là khoản nợ chung, hơn nữa anh Ch cũng tự nguyện cùng chị M có trách nhiệm trả nợ cho anh N, vì vậy anh Ch và chị M đều phải có trách nhiệm trả khoản nợ này.

[5] Anh Ch và chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 207 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Tuấn N.

Buộc anh Trần Văn Ch và chị Huỳnh Thị Xuân M thanh toán cho anh Hồ Tuấn N số tiền 316.425.000đ (Ba trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn), trong đó vốn là 300.000.000đ, lãi là 16.425.000đ.

Kể từ ngày anh N có đơn yêu cầu thi hành án, anh Ch và chị M phải thanh toán xong các khoản tiền nêu trên, nếu không thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh Ch và chị M phải nộp 15.821.000đ (chưa nộp). Anh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo biên lai thu số 0003374 ngày 07/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp Cà Mau khi án có hiệu lực.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh

